TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Hùng, bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2025/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07a/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985;
Số căn cước: 024185006772; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Vũ Ngọc A, sinh năm 1985;
Số căn cước: 024083018289; Vắng mặt.
Cùng thường trú: Tổ dân phố Làng C, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc A kết hôn với nhau tháng 12 năm 2014, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị về chung sống với anh Ngọc A ngay tại Tổ dân phố Làng Chũ, phường Chũ. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau và đánh nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh Ngọc A đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị với anh Trần Ngọc A được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Ngọc A có 02 con chung là cháu Trần Diệu D, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Trần Thị Minh C, sinh ngày 16/4/2018, hiện hai cháu đang sống cùng anh Ngọc A. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Minh C; anh Ngọc A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Diệu D. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chị N đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 Trích lục kết hôn; 01 bản căn cước công dân; 01 Xác nhận thông tin nơi cư trú; 01 phiếu gửi bưu điện; 02 Giấy khai sinh.

[2] Tại biên bản ghi lười khai anh Trần Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn với nhau năm 2014, trước khi kết hôn, anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị Vũ Thị N về chung sống với anh ngay tại Tổ dân phố Làng Chũ, phường Chũ. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, chị N đã sống ly thân anh từ tháng 02/2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N đề nghị ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Vũ Thị N có 02 con chung là cháu Trần Diệu D, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Trần Thị Minh C, sinh ngày 16/4/2018, hiện hai cháu đang sống cùng anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của con chung. Cháu Trần Diệu D và cháu Trần Thị Minh C có nguyện vọng được ở với anh Anh.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án..

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị N và anh Trần Ngọc A được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Minh C, sinh ngày 16/4/2018; giao cho anh Trần Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Diệu D sinh ngày 30/12/2015. Chị N và anh Ngọc A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Về án phí: Vhị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Vũ Thị N vắng mặt những đã có đơn xin vắng mặt, anh Trần Ngọc A vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều cư trú tại phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh; chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Trần Ngọc A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn (nay là phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 09/12/2014. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ngọc A là hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị N xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh Ngọc A cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, hơn nữa anh Ngọc A cũng nhất trí ly hôn; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Ngọc A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N và anh Ngọc A được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh Ngọc A có 02 con chung là cháu Trần Diệu D, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Trần Thị Minh C, sinh ngày 16/4/2018. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Châu, để anh Ngọc A nuôi dưỡng cháu Diệu; anh Ngọc A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Qua các chứng cứ và lời khai của các bên, hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay cả chị N và anh Ngọc A đều làm nghề tự do tại địa phương, thu nhập không đều nên xét về điều kiện nuôi con giữa chị N và anh Ngọc A là ngang nhau, có đủ điều kiện để nuôi con chung. Hơn nữa cháu Minh C có nguyện vọng được ở với chị N, cháu Diệu có nguyện vọng được ở với anh Anh. Căn cứ vào điều kiện của hai bên, để đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cần giao cháu Trần Diệu D cho anh Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thị Minh C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo cuộc sống cho hai con.

Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị N và anh Trần Ngọc A được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Minh C, sinh ngày 16/4/2018; giao cho anh Trần

Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Diệu D, sinh ngày 30/12/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Ngọc A và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003865 ngày 15/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh (Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí).

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Toàn